TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trần Ngọc Tình và bà Nguyễn Thị Hòe.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh ngày 25/4/1986; CCCD số 044186003632, ngày cấp 18/10/2024; nơi cư trú: Tiểu Khu X, xã Đ, tỉnh Quảng Trị (Tiểu khu X, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình củ), có mặt.

Bị đơn: Anh Cao Ngọc A, sinh ngày 08/10/1984; CCCD số 044084002400, ngày cấp 01/9/2021; nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Tiểu Khu X, xã Đ, tỉnh Quảng Trị (Tiểu khu X, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình củ); Hiện cư trú: Số 176 đường Q, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17/01/2025, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Cao Ngọc A có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình củ) vào ngày 14/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng được khoảng 01 năm thì chuyển ra sống riêng. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp về mọi mặt, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vả nhau. Tháng 3 năm 2023 anh Ngọc A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Ban đầu anh Ngọc A có liên lạc

về với vợ con, nhưng một thời gian sau thì ít dần và chị T nghe tin anh Ngọc A có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự cảm thông và tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và kinh tế. Hiện nay, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau, nên chị T xin được ly hôn anh Cao Ngọc A.

Về con chung: Chị Phan Thị T trình bày vợ chồng có 03 con chung cháu Cao Nữ Hạ V, sinh ngày 01/01/2012, Cao Thanh H, sinh ngày 22/10/2017 và Cao Ngọc Á, sinh ngày 06/3/2022. Hiện tại các con đang sống với chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh Ngọc A sang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài cho đến nay. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Hiện nay, chị T đang công tác trong ngành đường sắt, thu nhập ổn định bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con có phần khó khăn, nên chị T yêu cầu anh Ngọc A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 26/02/2025 của cháu Cao Nữ Hạ V, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Cao Thanh H, sinh ngày 22/10/2017 đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/5/2025 đối với người thân của bị đơn anh Cao Ngọc A. Ông Cao Hồng L (là bố đẻ anh Cao Ngọc A) trình bày: Việc kết hôn giữa anh Ngọc A và chị T là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà ông Luyến khoảng 01 năm thì chuyển ra sống riêng. Năm 2023, anh Ngọc A đi nước ngoài làm việc. Hiện nay, anh Ngọc A đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan đúng như chị T trình bày. Anh Ngọc A có liên lạc về với gia đình và có biết việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh Ngọc A, anh Ngọc A có nói với gia đình là tùy chị T, anh Ngọc A không có ý kiến gì. Đối với việc ly hôn của vợ chồng anh Ngọc A, chị T ông không có ý kiến gì, tùy thuộc vào quyết định của hai vợ chồng. Về con chung: anh Ngọc A, chị T có 03 con chung cháu Cao Nữ Hạ V, sinh ngày 01/01/2012, Cao Thanh H, sinh ngày 22/10/2017 và Cao Ngọc Á, sinh ngày 06/3/2022 đúng như chị T trình bày. Anh Ngọc A không báo cho ông L gì về vấn đề nuôi con. Nay chị T có nguyện vọng nuôi con chung thì ông cũng không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh Ngọc A và chị T thì ông không biết và cũng không có ý kiến gì.

Bị đơn anh Cao Ngọc A hiện đang làm việc và cư trú tại nước ngoài: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản số 87/TAND - CV ngày 22/4/2025 và văn bản số 1382/TDAN - CV ngày 03/6/2025 gửi Văn phòng Đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc yêu cầu tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để thu thập ý kiến, yêu cầu của anh Ngọc A đối với yêu cầu của chị T. Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh Ngọc A và xác minh người thân của anh Ngọc A, nhưng anh Ngọc A không có ý

kiến phản hồi. Ngày 05/6/2025, Tòa án có Thông báo số 1410/TB - TA gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Cao Ngọc A đang cư trú tại Đài Loan về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Phan Thị T xin ly hôn anh Cao Ngọc A tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng không có kết quả. Tòa án đã thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 30/6/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, nhưng anh Ngọc A vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Cao Ngọc A, xin nuôi các con chung và yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 6.000.000 đồng. Anh Cao Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Cao Ngọc A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Cao Ngọc A; về con chung: Giao cháu Cao Nữ Hạ V, sinh ngày 01/01/2012, Cao Thanh H, sinh ngày 22/10/2017 và Cao Ngọc Á sinh ngày 06/3/2022 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Cao Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 4.500.000 đồng, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung trưởng thành; Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Cao Ngọc A đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh Ngọc A đã xuất nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh gần nhất ngày 07/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Cao Ngọc A theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tống đạt đến cơ quan có thẩm quyền Văn phòng Đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Ngọc A tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh và xác minh, yêu cầu người thân thông báo cho anh Ngọc A, nhưng không có kết quả. Ngày 05/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh có Thông báo số 1410/TB-TA gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Cao Ngọc A đang cư trú tại Đài Loan về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Phan Thị T xin ly hôn anh Cao Ngọc A tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Ngọc A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Vì vậy, Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 30/6/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Ngọc A vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Ngọc A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Ngọc A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Cao Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị (xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình cũ) vào ngày 14/6/2011, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyển số 01/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Cao Ngọc A là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng được khoảng 01 năm thì chuyển ra sống riêng. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp về mọi mặt nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau. Năm 2023, anh Ngọc A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống xa nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự cảm thông và tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Hiện tại, chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm không còn, không trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị T kiên quyết xin ly hôn anh Cao Ngọc A; còn anh Cao Ngọc A đã được gia đình thông báo cho biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án và được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5, niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú của anh Ngọc A trước khi xuất cảnh và tại Tòa án nhân dân tỉnh, nhưng anh Ngọc A đều vắng mặt không có lý do, mà chỉ thông qua gia đình anh Ngọc A thể hiện ý kiến là chị T muốn làm gì tùy chị T và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Thể hiện, anh Ngọc A không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, để mặc chị T muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T xin được ly hôn anh Cao Ngọc A là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị T và các con chung, thấy: Hiện nay 03 con chung cháu Cao Nữ Hạ V, Cao Thanh H và Cao Ngọc Á đều đang sống cùng chị T, kể từ khi anh Ngọc A sang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, nhưng một mình chị T ở nhà cũng lo lắng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập. Các cháu đã sống cùng chị T ổn định, cháu Ngọc Ánh còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, còn cháu Hạ Vy và Thanh Hải thì có nguyện vọng được sống cùng chị T sau khi ba mẹ ly hôn; còn anh Ngọc A đang làm ăn, sinh sống ở Đài Loan chưa biết khi nào về nước, nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được. Chị T đang công tác trong ngành đường sắt, thu nhập ổn định bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng, nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con có phần chưa đảm bảo quyền lợi ích cho các con, nên chị T yêu cầu anh Ngọc A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là có cơ sở. Tuy nhiên, hiện nay thu nhập bình quân mỗi người ở khu vực nông thôn tỉnh Quảng Trị là khoảng 3.000.000 đồng/tháng, nên việc chị T yêu cầu anh Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 6.000.000 đồng là có phần chưa phù hợp với điều kiện thực tế thu nhập tại địa phương nơi chị T và các con sinh sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao các con chung cháu Hạ V, Thanh H và Ngọc Á cho chị Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Cao Ngọc A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 4.500.000 đồng, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi là phù hợp ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của chị T và các con, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị Phan Thị T, anh Cao Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Cao Ngọc A. Hôn nhân của chị Phan Thị T và anh Cao Ngọc A chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Cao Nữ Hạ V, sinh ngày 01/01/2012, Cao Thanh H, sinh ngày 22/10/2017 và Cao Ngọc Á, sinh ngày 06/3/2022 cho chị Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Cao Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 4.500.000 đồng, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con chung trưởng thành 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phan Thị T đã nộp tại biên lai số 00052541 ngày 10/02/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Bình cũ), chị T đã nộp đủ.

Anh Cao Ngọc A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Phan Thị T phải chịu 3.606.850 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.356.850 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam). Số tiền này chị T đã nộp đủ và chi phí hết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Cao Ngọc A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Tuyên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Viết Hải